

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2018.

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Tấn Đạt
2. Ông Huỳnh Phước Tỷ

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2018/TLST- HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXX-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thu K, sinh năm 1987 (có mặt).
 2. Bị đơn: Anh Thái Văn T (Hận), sinh năm 1988 (vắng mặt)
- Cùng trú tại: Ấp C, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thu K trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thu K và anh Thái Văn T (sau đây gọi tắt là Chị K, anh T) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang ngày 09/3/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng

thường xuyên cãi nhau. Chị K và anh T đã ly thân từ tháng 02/2017 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên Chị K yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị K và anh T có 01 người con chung tên Thái Thành Lợi, sinh ngày 25/01/2011, giới tính nam (hiện đang sống với anh T). Chị K đồng ý giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, Chị K không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Thái Văn T vắng mặt tại phiên tòa nên không có kiến trình bày. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh T đều vắng mặt.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); 01 sổ hộ khẩu và 01 giấy chứng minh nhân dân (bản phô tô); 01 giấy khai sinh tên Thái Thành Lợi (bản phô tô) và bản tự khai ngày 12/7/2018 của cháu Thái Thanh Lợi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Thái Văn T (Hận) được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Thái Văn T.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Hôn nhân giữa Chị K và anh T là hợp pháp. Tại phiên tòa Chị K trình bày lý do xin ly hôn là do anh T không lo làm ăn và chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, động viên hàn gắn nhưng Chị K kiên quyết xin ly hôn cho thấy tình cảm vợ chồng giữa Chị K và anh T đã đến mức trầm trọng, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất cho Chị K được ly hôn với anh T.

[3]. *Về con chung:*

Tại bản tự khai ngày 12/7/2018 con chung của Chị K và anh T có nguyện vọng được sống với anh T. Nhận thấy con chung của Chị K và anh T đang được anh T nuôi dạy và chăm sóc tốt. Căn cứ theo nguyện vọng của cháu Lợi, cũng như ý kiến Chị K tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu

Lợi cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị K có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

[4]. *Về chia tài sản chung*: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Chị K phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0004151 ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thu K với anh Thái Văn T (Hận).

2. Về con chung: Giao con chung tên Thái Thành Lợi, sinh ngày 25/01/2011, giới tính nam (hiện đang sống với anh T) cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, Chị K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị K có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị K phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0004151 ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhân

- Tòa án ND tỉnh KG;
- VKS ND huyện UMT;
- Chi cục THA huyện UMT;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh